

Số: 264/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Về bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 40/2024/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định về bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam và chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam và chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài bay trong vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Danh mục thiết bị tối thiểu gốc (MMEL) là tài liệu được nhà sản xuất tàu bay, tổ chức thiết kế xây dựng và được nhà chức trách hàng không của quốc gia thiết kế phê chuẩn. MMEL có thể kèm theo những điều kiện khai thác, giới hạn hoặc quy trình đặc biệt.

2. Danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) là tài liệu nằm trong hệ thống tài liệu khai thác do người khai thác tàu bay xây dựng dựa trên nguyên tắc tuân thủ đầy đủ hoặc chặt chẽ hơn các yêu cầu của tài liệu MMEL.

3. Hồng học được phép trì hoãn (ADD) là hồng học của tàu bay, hệ thống của tàu bay hoặc các thiết bị lắp trên tàu bay chưa phải khắc phục trong một khoảng thời gian được quy định trong tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng, danh mục thiết bị tối thiểu, danh mục sai lệch cấu hình và không ảnh hưởng đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của tàu bay.

4. Lý lịch rõ ràng được hiểu là hồ sơ lý lịch của nhân viên hàng không bao gồm lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp khi tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng không dân dụng và lý lịch cá nhân bao gồm đầy đủ các nội dung, rõ ràng, chi tiết về nhân thân của cá nhân. Hàng năm, người đứng đầu tổ chức phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang chịu trách nhiệm nhận xét, đánh giá lý lịch đối với nhân viên hàng không phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam là văn bản của cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 5 của Nghị định này đặt hàng, giao nhiệm vụ bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang cho các cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

6. Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài là văn bản của cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 10 giao nhiệm vụ bảo đảm chuyến bay chuyên cơ cho các cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

7. Thông báo hồng học (Maintenance Message) là các thông tin về hồng học của các thiết bị tàu bay, động cơ được theo dõi và hiển thị bởi hệ thống máy tính trung tâm bảo dưỡng trên tàu bay.

8. Khách chuyên cơ, chuyên khoang là đối tượng được phục vụ trên chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang; thành viên chính thức và đoàn tùy tùng do cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang xác định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối.
2. Bảo đảm tiêu chuẩn chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định.
3. Bảo đảm bí mật kế hoạch đảm bảo an ninh cho đối tượng chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm nghi lễ đón, tiễn chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định.

Chương II

BẢO ĐẢM CHUYỂN BAY CHUYÊN CƠ, CHUYÊN KHOANG CỦA VIỆT NAM

Điều 4. Đối tượng được phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
3. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
6. Đối tượng được quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 5. Cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Văn phòng Chủ tịch nước.
3. Văn phòng Chính phủ.
4. Văn phòng Quốc hội.
5. Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại).

Điều 6. Doanh nghiệp nhận đặt hàng, đơn vị được giao thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam là người khai thác tàu bay của Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này.
2. Đơn vị được giao thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam là các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam được thực hiện bằng văn bản gồm có các nội dung sau:
 - a) Đối tượng được phục vụ và số lượng, thành phần đoàn;

b) Hành trình chuyển bay;

c) Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam hoặc đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được đặt hàng hoặc được giao thực hiện chuyển bay;

d) Yêu cầu về nghi lễ đón, tiễn;

đ) Yêu cầu về bảo đảm an ninh, quốc phòng và các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam được gửi bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính tới các cơ quan, đơn vị sau:

a) Chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang do doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện vận chuyển nội địa: Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyển bay;

b) Chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang do doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện vận chuyển quốc tế: Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại), Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyển bay;

c) Chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện vận chuyển nội địa: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

d) Chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện vận chuyển quốc tế: Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại), Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

3. Thời hạn gửi văn bản thông báo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam như sau:

a) Đối với các chuyển bay chuyên cơ: tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyển bay đối với bay nội địa; tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyển bay đối với bay quốc tế; trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

b) Đối với các chuyến bay chuyên khoang: tối thiểu 24 giờ trước giờ dự định cất cánh của chuyến bay đối với bay nội địa; tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay đối với bay quốc tế; trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

c) Đối với chuyến bay chuyên cơ do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện: tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay; trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

Công tác bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Chương III BẢO ĐẢM CHUYẾN BAY CHUYÊN CƠ CỦA NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Áp dụng tiêu chuẩn, quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài bay đến, đi Việt Nam

Tiêu chuẩn, quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam được áp dụng đối với các chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài chở người đứng đầu Nhà nước, cơ quan lập pháp, Chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ thăm chính thức, thăm làm việc, thăm cá nhân tại Việt Nam trừ các quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định này.

Điều 10. Cơ quan Việt Nam có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài

1. Các cơ quan được quy định tại Điều 5 của Nghị định này.
2. Bộ Quốc phòng (Cục Đối ngoại).
3. Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự).

Điều 11. Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài

1. Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài được thực hiện bằng văn bản gồm các nội dung sau:

- a) Đối tượng được phục vụ và số lượng, thành phần đoàn;
- b) Hành trình chuyến bay;
- c) Người khai thác tàu bay, cơ quan, tổ chức khác của nước ngoài thực hiện;
- d) Yêu cầu về nghi lễ đón, tiễn;

đ) Yêu cầu về bảo đảm an ninh, an toàn và các yêu cầu cụ thể khác (nếu có).

2. Văn bản thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài được gửi bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính tới: Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan).

3. Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài được gửi tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay, trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền thông báo chuyến bay.

4. Cơ quan, đơn vị nhận thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài có trách nhiệm triển khai, thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 12. Triển khai quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai phục vụ chuyến bay chuyên cơ nước ngoài theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

2. Trường hợp bên nước ngoài có yêu cầu áp dụng tiêu chuẩn, quy trình phục vụ khác với quy định của Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức có liên quan rà soát, đánh giá sự phù hợp với quy định hiện hành, tình hình thực tế và khả năng đáp ứng. Báo cáo kết quả rà soát đánh giá bằng văn bản được gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan của Việt Nam có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ để thống nhất với phía nước ngoài.

Điều 13. Bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài đi, đến Việt Nam

Công tác bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài đi, đến Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Chương IV

TIÊU CHUẨN TÀU BAY VÀ KHAI THÁC TÀU BAY

Điều 14. Tiêu chuẩn đối với người khai thác tàu bay Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam

1. Người khai thác tàu bay Việt Nam có giấy chứng nhận người khai thác tàu bay còn hiệu lực do Cục Hàng không Việt Nam cấp; có phạm vi hoạt động được phê chuẩn trong giấy chứng nhận phù hợp với nhiệm vụ chuyên cơ được

phân công; có hệ thống quản lý an toàn đối với việc khai thác và bảo dưỡng tàu bay đáp ứng đầy đủ và toàn diện các yêu cầu về an toàn hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

2. Có thời gian hoạt động khai thác tàu bay thương mại tối thiểu là 05 năm; hoặc có ít nhất tổng 100.000 giờ bay khai thác tàu bay thương mại trước thời điểm thực hiện chuyển bay chuyên cơ với các điều kiện sau:

a) Không có hành vi không tuân thủ Mức 1 theo quy định của pháp luật về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không;

b) Không để xảy ra sự cố nghiêm trọng do nguyên nhân trực tiếp từ hoạt động khai thác, bảo dưỡng, huấn luyện của người khai thác tàu bay.

Điều 15. Tiêu chuẩn đối với tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam

1. Được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam và được khai thác bởi người khai thác tàu bay của Việt Nam đáp ứng quy định tại Điều 14 của Nghị định này.

2. Thuộc loại tàu bay có hai động cơ trở lên.

3. Tại thời điểm thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam, tàu bay phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Đối với các hệ thống trọng yếu của tàu bay bao gồm hệ thống tạo lực đẩy, hệ thống nguồn điện, báo và dập cháy, thủy lực và điều khiển tàu bay: không được có hỏng hóc lặp lại (hỏng hóc tương tự trong khoảng thời gian 03 ngày khai thác hoặc 07 chuyến bay liên tục trên cùng một hệ thống hoặc một thiết bị) hoặc hỏng hóc chưa được khắc phục triệt để hoặc hỏng hóc được phép trì hoãn theo tài liệu MEL hoặc thông báo hỏng hóc ngoại trừ các thông báo hỏng hóc mà theo ý kiến của nhà sản xuất là báo giả hoặc không yêu cầu việc thực hiện khắc phục;

b) Đối với các hệ thống khác của tàu bay, trong trường hợp áp dụng trì hoãn hỏng hóc theo tài liệu khai thác, bảo dưỡng yêu cầu phải bảo đảm tính dự phòng cần thiết để tàu bay có thể tiếp tục thực hiện chuyến bay nếu tiếp tục có hỏng hóc phát sinh trên các hệ thống này trong quá trình thực hiện chuyến bay chuyên cơ;

c) Có đầy đủ thiết bị khẩn nguy, an toàn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động.

4. Đối với các thiết bị có thọ mệnh trên thân tàu bay, thời hạn hoạt động còn lại của thiết bị không nhỏ hơn 1.000 đơn vị thọ mệnh hoặc 10% tổng thọ mệnh (tính theo thời gian, chu kỳ hoạt động, giờ bay hoặc số lần cất, hạ cánh do nhà chế tạo quy định) tính theo thời hạn nào đến sau.

5. Có tối thiểu 02 chỗ nằm nghỉ hoặc ghế ngồi tiện lợi cho nhu cầu nghỉ ngơi của khách chuyên cơ khi chuyến bay kéo dài từ 04 giờ trở lên.

6. Có cấu hình đáp ứng được các yêu cầu về nghi lễ ngoại giao khi có yêu cầu.

7. Được người đứng đầu doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam quyết định bằng văn bản cho tàu bay được thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam.

Điều 16. Tiêu chuẩn đối với động cơ của tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam

1. Đối với các hệ thống trọng yếu của động cơ tàu bay bao gồm hệ thống điều khiển động cơ, báo và dập cháy, hiển thị tham số hoạt động của động cơ không có hỏng hóc lặp lại (hỏng hóc tương tự trong khoảng thời gian 03 ngày khai thác hoặc 07 chuyến bay liên tục trên cùng một hệ thống hoặc một thiết bị) hoặc hỏng hóc chưa được khắc phục triệt để hoặc hỏng hóc được phép trì hoãn theo tài liệu MEL hoặc thông báo hỏng hóc ngoại trừ các thông báo hỏng hóc mà theo ý kiến của nhà sản xuất là báo giả hoặc không yêu cầu thực hiện khắc phục.

2. Đối với các hệ thống khác của động cơ tàu bay, trong trường hợp áp dụng trì hoãn hỏng hóc theo tài liệu khai thác, bảo dưỡng yêu cầu phải bảo đảm tính dự phòng cần thiết để tàu bay có thể tiếp tục thực hiện chuyến bay nếu có hỏng hóc phát sinh trên các hệ thống này trong quá trình thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam.

3. Đối với các thiết bị có thọ mệnh trên động cơ tàu bay, thời hạn hoạt động còn lại của thiết bị phải không nhỏ hơn 1.000 đơn vị thọ mệnh hoặc 10% tổng thọ mệnh (tính theo thời gian, chu kỳ hoạt động, giờ bay hoặc số lần cất, hạ cánh do nhà chế tạo quy định) tính theo thời hạn nào đến sau.

4. Được người đứng đầu doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam quyết định bằng văn bản cho động cơ được sử dụng cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam.

Điều 17. Tiêu chuẩn đối với phương tiện, thiết bị phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Các phương tiện, thiết bị phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang (bao gồm cả phương tiện dự phòng) phải bảo đảm thực hiện quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không có hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam và đáp ứng yêu cầu về an ninh, bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang; phải được

kiểm tra bảo đảm kỹ thuật và phải được tập kết tại khu vực phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang ít nhất 30 phút trước thời điểm phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Các phương tiện, thiết bị phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang (bao gồm cả phương tiện dự phòng) phải bảo đảm không có hỏng hóc có thể ảnh hưởng đến tính năng hoạt động của phương tiện, thiết bị trong thời gian 07 ngày tính đến thời điểm phục vụ chuyển bay.

3. Phải có 01 xe cứu hỏa và 01 xe cứu thương nổ máy, trực sẵn sàng tại vị trí trực của đơn vị trong suốt thời gian phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 18. Phân cách giữa tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang với các tàu bay khác và phân cách giữa các tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Trong khu vực sân bay, việc phân cách tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang với các tàu bay khác trên mặt đất trong khu hoạt động bay phải phù hợp với các điều kiện hạn chế khai thác theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này.

2. Trong khu vực kiểm soát tiếp cận, việc phân cách giữa tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang và các tàu bay khác phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Không áp dụng hình thức bay vượt tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang trên cùng một hành lang, vệt bay;

b) Giá trị phân cách tối thiểu giữa tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang và các tàu bay khác tuân thủ các hình thức phân cách theo hướng dẫn của ICAO tại PANS-ATM (Doc 4444), Cục Hàng không Việt Nam công bố tiêu chuẩn phân cách tối thiểu trong AIP. Riêng đối với phân cách bằng thiết bị giám sát, giá trị phân cách được gia tăng gấp 02 lần so với giá trị phân cách tối thiểu.

3. Trong khu vực kiểm soát đường dài, việc phân cách giữa tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang và các tàu bay khác phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Kiểm soát viên không lưu không được yêu cầu thay đổi độ cao bay đường dài so với đường bay theo kế hoạch bay của tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang, trừ trường hợp vì lý do an ninh an toàn hoặc theo yêu cầu xử lý tình huống khẩn cấp;

b) Kiểm soát viên không lưu không được yêu cầu thay đổi tốc độ của tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang, trừ trường hợp vì lý do an ninh, an toàn hoặc theo yêu cầu xử lý tình huống khẩn cấp;

c) Giá trị phân cách tối thiểu giữa tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang và các tàu bay khác trong khu vực kiểm soát đường dài được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Việc phân cách giữa các tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang với nhau được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Chương V

TIÊU CHUẨN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 19. Tiêu chuẩn của người lái tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Có quốc tịch Việt Nam.

2. Đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giấy phép người lái tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp với năng định loại tàu bay còn hiệu lực để thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam dự kiến thực hiện;

b) Đối với người chỉ huy tàu bay chuyến bay chuyên cơ: có tổng số giờ bay tích lũy tối thiểu là 5.000 giờ bay (trong đó có tối thiểu 1.500 giờ bay ở vị trí lái chính) khi thời gian bay theo kế hoạch bay lớn hơn 02 giờ, tối thiểu là 4.000 giờ bay (trong đó có tối thiểu 1.000 giờ bay ở vị trí lái chính) khi thời gian bay theo kế hoạch bay nhỏ hơn 02 giờ; có tổng số giờ bay tích lũy trên loại tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ ở vị trí lái chính tối thiểu là 500 giờ bay khi thời gian bay theo kế hoạch bay lớn hơn 02 giờ và ở vị trí lái chính tối thiểu là 300 giờ bay khi thời gian bay theo kế hoạch bay nhỏ hơn 02 giờ;

c) Đối với lái phụ: có tổng số giờ bay tích lũy tối thiểu là 3.000 giờ bay khi thời gian bay theo kế hoạch bay lớn hơn 02 giờ; có tổng số giờ bay tích lũy tối thiểu là 2.000 giờ khi thời gian bay theo kế hoạch bay nhỏ hơn 02 giờ;

d) Đối với loại tàu bay mới, trong thời gian 01 năm kể từ khi đưa vào khai thác, trường hợp có yêu cầu thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam, doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm đánh giá năng lực người lái tàu bay trên cơ sở đã đáp ứng tổng số giờ bay tích lũy quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này đối với loại tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam khai thác trước đó và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để giám sát;

d) Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng;

e) Không bị xử lý kỷ luật do vi phạm dẫn đến sự cố an toàn theo quy định của pháp luật về Nhà chức trách hàng không và quản lý an toàn hàng không trong vòng 24 tháng tính đến thời điểm thực hiện nhiệm vụ chuyển bay chuyên cơ;

g) Được người đứng đầu doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam quyết định bằng văn bản cho phép thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam.

Điều 20. Tiêu chuẩn của tiếp viên phục vụ trên tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Là người có quốc tịch Việt Nam.
2. Có giấy chứng nhận thành viên tổ bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp.
3. Có tổng thời gian tích lũy nghiệp vụ tiếp viên từ 700 giờ trở lên, trong đó có thời gian tích lũy nghiệp vụ tiếp viên trên loại tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam từ 100 giờ trở lên.
4. Đối với loại tàu bay mới, trong thời gian 01 năm kể từ khi đưa vào khai thác, trường hợp có yêu cầu thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam, doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm đánh giá năng lực tiếp viên trên cơ sở đã đáp ứng tổng số thời gian tích lũy nghiệp vụ từ 700 giờ trở lên và tổng số giờ bay tích lũy từ 100 giờ trở lên đối với loại tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam khai thác trước đó và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để giám sát.
5. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng.
6. Trong quá trình công tác, không mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét chọn để phục vụ bay chuyên cơ, chuyên khoang.
7. Được người đứng đầu doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam quyết định bằng văn bản cho phép thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam.

Điều 21. Tiêu chuẩn nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay phục vụ tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam

1. Có giấy phép xác nhận hoàn thành bảo dưỡng mức B1, B2 đối với loại tàu bay mà nhân viên đó đi theo phục vụ.

2. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng.

3. Trong quá trình công tác không bị xử lý kỷ luật do vi phạm dẫn đến sự cố an toàn theo quy định của pháp luật về Nhà chức trách hàng không và quản lý an toàn hàng không trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét chọn để phục vụ chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam.

4. Đối với loại tàu bay mới, trong thời gian 01 năm kể từ khi đưa vào khai thác, trường hợp có yêu cầu thực hiện chuyển bay chuyên cơ, doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm đánh giá năng lực nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay đi theo tàu bay trên cơ sở đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này đối với loại tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam khai thác trước đó và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để giám sát.

5. Được người đứng đầu doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam quyết định bằng văn bản được thực hiện chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam.

6. Trong trường hợp nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay có quốc tịch nước ngoài, yêu cầu doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam bố trí thêm 01 nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay có quốc tịch Việt Nam.

Điều 22. Tiêu chuẩn kiểm soát viên không lưu phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Có giấy phép kiểm soát viên không lưu với năng định còn hiệu lực phù hợp với vị trí điều hành được phân công phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Có kinh nghiệm điều hành hoạt động bay tối thiểu 03 năm và có tối thiểu 06 tháng liên tục thực hiện công tác điều hành bay theo chức danh tính đến thời điểm phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

3. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng.

4. Trong quá trình công tác không mắc các sai phạm gây uy hiếp an toàn bay (không để xảy ra sự cố hoạt động bay do nguyên nhân trực tiếp của kiểm soát viên không lưu) trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm thực hiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Được người đứng đầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay quyết định bằng văn bản cho phép thực hiện điều hành chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 23. Tiêu chuẩn đối với nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay, nhân viên điều khiển phương tiện, nhân viên vận hành thiết bị phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang tại cảng hàng không

1. Có chứng chỉ chuyên môn, được đào tạo, huấn luyện theo quy định của pháp luật về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

2. Có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 12 tháng và có tối thiểu 06 tháng làm việc liên tục tính đến thời điểm phục vụ chuyến bay chuyên cơ tại vị trí được phân công theo chức danh; riêng đối với nhân viên vận hành phương tiện tra nạp nhiên liệu phải có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 24 tháng và có tối thiểu 06 tháng làm việc liên tục tính đến thời điểm phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

3. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng.

4. Trong quá trình công tác không mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Được phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang khi có quyết định bằng văn bản của người đứng đầu doanh nghiệp.

Điều 24. Tiêu chuẩn nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay thực hiện nghiệp vụ cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp đối với chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam đi nước ngoài

1. Là người có quốc tịch Việt Nam.

2. Có chứng chỉ chuyên môn, được đào tạo, huấn luyện theo quy định của pháp luật về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

3. Có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 05 năm tại vị trí cân bằng trọng tải, hướng dẫn chất xếp tính đến thời điểm thực hiện chuyến bay chuyên cơ, trong đó có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc đối với loại tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ.

4. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng.

5. Trong quá trình công tác không mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét chọn để phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

6. Được người đứng đầu doanh nghiệp quyết định bằng văn bản được phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

Điều 25. Tiêu chuẩn nhân viên điều độ khai thác bay phục vụ chuyến bay chuyên cơ

1. Có giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp còn hiệu lực.
2. Có kinh nghiệm điều độ khai thác bay tối thiểu 05 năm và có tối thiểu 06 tháng liên tục thực hiện công tác điều độ khai thác bay tính đến thời điểm phục vụ chuyến bay chuyên cơ.
3. Có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, lý lịch rõ ràng.
4. Trong quá trình công tác không mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét chọn phục vụ chuyến bay chuyên cơ.
5. Được người đứng đầu doanh nghiệp quyết định bằng văn bản được phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

Chương VI
TIẾP NHẬN THÔNG BÁO, TRIỂN KHAI CHUYẾN BAY
CHUYÊN CƠ, CHUYÊN KHOANG

Điều 26. Tiếp nhận thông báo, triển khai nhiệm vụ bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

1. Ngay sau khi tiếp nhận thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam và thông tin thay đổi, bổ sung đối với thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam từ cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm triển khai thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính tới các cơ quan, đơn vị sau:

- a) Cảng vụ hàng không;
- b) Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam;
- c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- d) Người khai thác cảng hàng không nơi có tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang cất cánh, hạ cánh.

2. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm triển khai, ghi nhận và lưu trữ đầy đủ các thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 27. Tiếp nhận thông báo, triển khai nhiệm vụ đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài bay đi, đến và bay trong lãnh thổ Việt Nam

1. Ngay sau khi tiếp nhận thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài và thông tin thay đổi, bổ sung đối với thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài từ cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm triển khai gửi thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính tới các cơ quan, đơn vị sau:

- a) Cảng vụ hàng không;
- b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- c) Doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không nơi có tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ cất cánh, hạ cánh;
- d) Bộ Công an (Cục Quản lý Xuất nhập cảnh);
- đ) Bộ Tài chính (Cục Hải quan).

2. Các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm triển khai, ghi nhận và lưu trữ đầy đủ các thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương VII
CHUẨN BỊ TÀU BAY, KẾ HOẠCH BAY

Điều 28. Chuẩn bị tàu bay, đường bay

1. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam lập phương án phục vụ bao gồm: xác định tàu bay chính thức và dự bị; đường bay; danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ cần đề nghị cấp phép bay qua; bay đến, điểm vào, điểm ra các quốc gia và vùng lãnh thổ; các chi tiết liên quan đến việc khai thác, bảo đảm kỹ thuật; thông báo Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao và Cục Hàng không Việt Nam để theo dõi và giám sát như sau:

- a) Đối với các chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam: tối thiểu 02 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay nội địa; tối thiểu 07 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay quốc tế;

b) Đối với các chuyến bay chuyên khoang của Việt Nam: tối thiểu 12 giờ trước giờ dự định cất cánh đối với bay nội địa; tối thiểu 02 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay quốc tế.

2. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam phải ban hành quy trình phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang để triển khai áp dụng và thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam ngay sau khi quy trình được ban hành, sửa đổi.

3. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam triển khai thực hiện đầy đủ các công việc bảo dưỡng, sửa chữa cần thiết theo dữ liệu bảo dưỡng được phê chuẩn nhằm khắc phục tất cả các hỏng hóc trên các hệ thống thiết yếu của tàu bay; bảo đảm tàu bay, động cơ được lựa chọn thực hiện chuyến bay chuyên cơ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định này và không còn tồn tại cảnh báo hỏng hóc ngoại trừ các thông báo hỏng hóc mà theo ý kiến của nhà sản xuất là báo giả hoặc không yêu cầu thực hiện khắc phục.

Điều 29. Xác nhận tình trạng kỹ thuật tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam

1. Ngoài việc tuân thủ các quy định về xác nhận hoàn thành bảo dưỡng, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay và người đứng đầu của doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam phải ký xác nhận tàu bay bảo đảm tiêu chuẩn đủ điều kiện bay vào sổ Nhật ký chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam.

2. Trong trường hợp doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam không có nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này thì doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam phải sử dụng nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tàu bay đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 của Nghị định này.

Điều 30. Chủ trì, phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác phục vụ chuyến bay chuyên cơ bảo đảm an toàn, an ninh và lịch trình cất hạ cánh cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam trong cả quá trình thực hiện; phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại - Bộ Ngoại giao, Cục Hàng không Việt Nam - Bộ Xây dựng và đơn vị làm công tác tiền trạm để lên phương án phục vụ tại cảng hàng không nước ngoài.

2. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam chủ trì hướng dẫn, duy trì trật tự trên tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ khi có tùy tùng và các đối tượng khác trên chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang cùng với đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

3. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác phục vụ chuyên cơ bảo đảm an toàn, an ninh cho hàng hóa, hành lý, tài liệu và tài sản của đoàn khách chuyên cơ.

4. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư lệnh cảnh vệ - Bộ Công an bảo đảm an ninh cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, khách chuyên cơ, hành lý, hàng hóa của đoàn khách chuyên cơ ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Đối với chuyến bay chuyên khoang, doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác phục vụ khách chuyên khoang thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho khách chuyên khoang; không vận chuyển hành khách là đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang và không vận chuyển hàng nguy hiểm vì mục đích thương mại.

6. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam có trách nhiệm bố trí ghế ngồi trên tàu bay theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyến bay chuyên cơ.

7. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam bay quốc tế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quy định tại Điều 5 của Nghị định này, tổ chức đánh giá khả năng tiếp nhận, bảo đảm an ninh, an toàn của cảng hàng không dự kiến hạ cánh ở nước ngoài và tổ chức đoàn công tác để triển khai các công tác bảo đảm an ninh, an toàn cho chuyến bay chuyên cơ.

8. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang xây dựng quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang và phối hợp với người khai thác cảng hàng không, doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam tạo mọi điều kiện thuận lợi trong công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 31. Quản lý danh mục tàu bay, động cơ tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ và danh sách tổ bay, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam

1. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam lập, quản lý, thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam:

a) Danh mục tàu bay, động cơ lắp trên tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang Việt Nam đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quy định tại các Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này;

b) Danh sách tổ bay, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay và nhân viên điều độ khai thác bay được phép thực hiện chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quy định tại các Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 25 của Nghị định này.

2. Doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan danh sách cán bộ, nhân viên của người khai thác, tổ bay, tiếp viên, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay, nhân viên hướng dẫn chất xếp, nhân viên cân bằng trọng tải, nhân viên điều phái phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam trước khi thực hiện việc đưa khách lên tàu bay.

Chương VIII

QUY TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU BAY THỰC HIỆN CHUYẾN BAY CHUYÊN CƠ, CHUYÊN KHOANG

Điều 32. Thông báo tin tức hàng không

1. Các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay có trách nhiệm:

a) Trung tâm Quản lý luồng không lưu thực hiện thông báo đến các đơn vị liên quan về kế hoạch bay chuyên cơ và các sửa đổi, bổ sung có liên quan;

b) Trung tâm Thông báo tin tức hàng không thực hiện phát hành NOTAM về việc hạn chế khai thác tại các Cảng hàng không khi nhận được kế hoạch bay chuyên cơ từ Trung tâm quản lý luồng không lưu, bao gồm cả kế hoạch bay sửa đổi và bổ sung.

2. Khi giờ cất, hạ cánh dự kiến của tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ sai lệch so với giờ dự kiến trong kế hoạch bay không lưu quá 10 phút thì xử lý như sau:

a) Đối với chuyến bay đến: công ty quản lý bay khu vực có trách nhiệm thông báo kịp thời cho người khai thác cảng hàng không, Trung tâm Quản lý luồng không lưu; Trung tâm quản lý luồng không lưu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Trung tâm thông báo tin tức hàng không để phát hành NOTAM sửa đổi, thay thế; người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng không và doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam;

b) Đối với chuyến bay đi: doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan lãnh sự quán Việt Nam nơi tàu bay đến và người khai thác cảng hàng không; người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng không, công ty quản lý bay khu vực, Trung tâm quản lý luồng không lưu; Trung tâm quản lý luồng không lưu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Trung tâm thông báo tin tức hàng không để phát hành NOTAM sửa đổi, thay thế;

c) Các đơn vị có liên quan đến công tác phục vụ chuyên cơ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện công tác phục vụ chuyên cơ theo kế hoạch điều chỉnh.

Điều 33. Nguyên tắc ưu tiên trong công tác điều hành bay chuyên cơ, chuyên khoang trường hợp có nhiều tàu bay cùng hoạt động

1. Tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang thực hiện cất cánh sau các tàu bay:

- a) Tàu bay làm nhiệm vụ chiến đấu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khẩn cấp;
- b) Tàu bay tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, cứu hộ, phòng chống thiên tai.

2. Tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang thực hiện hạ cánh sau các tàu bay:

- a) Tàu bay lâm nguy, tàu bay phải hạ cánh khẩn cấp;
- b) Tàu bay có lượng nhiên liệu còn lại ít hoặc có tình huống kỹ thuật ảnh hưởng đến an toàn bay;
- c) Tàu bay làm nhiệm vụ chiến đấu, quốc phòng, an ninh, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, cứu hộ.

Chương IX
QUY TRÌNH KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG PHỤC VỤ
CHUYẾN BAY CHUYÊN CƠ, CHUYÊN KHOANG

Điều 34. Khu vực dành riêng phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Khu vực sân đỗ, vị trí đỗ dành cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang phải được bảo đảm hành lang bảo vệ bao quanh và các điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn, trang trọng và thuận tiện cho các lễ nghi đón, tiễn khách chuyên cơ.

2. Người khai thác cảng hàng không và người khai thác công trình phải xây dựng quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ trong tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình phù hợp với phạm vi quản lý. Nội dung quy trình phục vụ chuyến bay chuyên cơ phải xác định rõ vị trí đỗ, tuyến đường lăn cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

3. Người khai thác cảng hàng không chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không xây dựng quy trình phục vụ hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ trong tài liệu khai thác sân bay. Quy trình phục vụ hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ phải xác định rõ khu vực phục vụ hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ, bảo đảm công tác phục vụ chuyến bay chuyên cơ được thuận tiện, nhanh chóng và tuân thủ các quy định liên quan đến an ninh, an toàn hàng không.

Điều 35. Kiểm tra đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Người khai thác cảng hàng không phải thực hiện công việc kiểm tra đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay bảo đảm các điều kiện an toàn cho chuyến bay. Công việc kiểm tra và xác nhận tình trạng của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay đảm bảo an toàn cho chuyến bay được hoàn thành 10 phút trước thời gian dự kiến cất hoặc hạ cánh của tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Cơ sở bảo đảm hoạt động bay phối hợp với người khai thác cảng hàng không xây dựng danh mục, nội dung và thực hiện công việc kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay chính và dự phòng. Công việc kiểm tra phải được hoàn thành trong khoảng thời gian từ 180 phút đến 90 phút trước thời gian dự kiến cất hoặc hạ cánh của tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

3. Công việc kiểm tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trữ hồ sơ tại các đơn vị liên quan.

Điều 36. Hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang đối với chuyến bay đến được thực hiện như sau:

a) 05 phút trước giờ dự kiến hạ cánh của tàu bay, dành riêng đường cất hạ cánh đã được xác định để phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang; sau khi tàu bay đã hạ cánh và thoát ly khỏi đường cất hạ cánh thì đường cất hạ cánh trở lại hoạt động bình thường;

b) 30 phút trước giờ dự kiến hạ cánh của tàu bay, dành riêng vị trí đỗ tàu bay phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang đã được xác định theo kế hoạch.

2. Hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang đối với chuyến bay đi được thực hiện như sau:

a) Vị trí đỗ của tàu bay được bảo vệ và cách ly từ thời điểm tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang vào vị trí đỗ để thực hiện các công việc chuẩn bị cho chuyến bay. Trường hợp có kế hoạch sử dụng tàu bay thực hiện chuyến bay thương mại đến đỗ tại vị trí đỗ phục vụ chuyến bay chuyên cơ để chuẩn bị thực hiện chuyến bay chuyên cơ đi ngay sau khi hoàn thành chuyến bay thương mại đến, thì thời điểm tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ đi được tính từ lúc hoàn thành việc phục vụ chuyến bay thương mại đến (toàn bộ hành khách, hành lý, hàng hóa thương mại đã rời khỏi tàu bay) và hoàn thành công tác kiểm tra an ninh đối với tàu bay;

b) 05 phút trước khi tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang lên đường cất hạ cánh, cơ sở điều hành bay dành riêng đường cất hạ cánh cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang. Sau khi tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang cất cánh, đường cất hạ cánh được phép trở lại hoạt động bình thường. Đối với sân bay có nhiều đường cất hạ cánh thì đường cất hạ cánh không có kế hoạch dự kiến cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang cất, hạ cánh được hoạt động bình thường theo quy định về khai thác các đường cất hạ cánh song song.

3. Khi tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang lăn trên đường lăn, vệt lăn trên sân đỗ tàu bay, người, phương tiện và các tàu bay khác phải bảo đảm khoảng cách an toàn phía trước và phía sau tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang là 500 m.

4. Người khai thác cảng hàng không chịu trách nhiệm tổ chức thông báo kịp thời bằng bộ đàm hoặc điện thoại để người, người điều khiển phương tiện đang hoạt động tại khu vực liên quan đến hoạt động của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang biết và tuân thủ việc hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Khi có thông báo hạn chế khai thác, người và các phương tiện không phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang đang hoạt động tại các khu vực liên quan đến hoạt động của chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang phải tuân thủ các yêu cầu quy định về hạn chế khai thác tại Tài liệu khai thác sân bay.

6. Các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng trong trường hợp khẩn nguy sân bay.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 37. Trách nhiệm của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội

1. Thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam và chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam.

3. Thông báo quyết định của đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam quy định tại Điều 4 của Nghị định này về thời điểm khởi hành đối với chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam trong các trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.

4. Chủ trì với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan về việc thuê người khai thác tàu bay nước ngoài thực hiện chuyến bay chuyên cơ phục vụ đối tượng chuyên cơ của Việt Nam tại nước ngoài trong trường hợp cần thiết; phối hợp với Bộ Ngoại giao bảo đảm nghi lễ đón, tiễn chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam tại nước ngoài.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng và các đơn vị, doanh nghiệp trong ngành hàng không Việt Nam

1. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

a) Chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam, người khai thác tàu bay, người khai thác cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không liên quan tổ chức thực hiện công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang theo tiêu chuẩn, quy trình quy định tại Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan xử lý các yêu cầu đặc thù, tình huống phát sinh trong quá trình bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Là đầu mối tiếp nhận thông báo, triển khai nhiệm vụ bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam do doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện và chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài;

b) Chỉ đạo, tổ chức giám sát các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không thực hiện và phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang theo tiêu chuẩn an toàn;

c) Triển khai công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang đến các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không hoạt động tại cảng hàng không, sân bay;

d) Cấp phép bay cho chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam do các doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện theo quy định; cấp phép bay cho chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài bay qua vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý theo quy định pháp luật về hoạt động bay;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan của Việt Nam và nước ngoài trong quá trình thực hiện công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang và chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định này;

e) Giám sát trực tiếp việc tổ chức thực hiện công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của các tổ chức, cá nhân tại cảng hàng không thuộc trách nhiệm quản lý; giám sát công tác đảm bảo an toàn đối với chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang do các doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện theo quy định.

3. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không tại cảng hàng không nơi có tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ cất, hạ cánh:

a) Xây dựng quy trình phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang trong tài liệu khai thác sân bay, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam;

b) Xác định khu vực sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay, nhà khách để phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang; chủ trì, phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không tổ chức phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam và chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài;

c) Kiểm tra đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;

d) Thông báo về việc hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động của chuyển bay chuyên cơ; thông báo kịp thời cho các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị định này trong trường hợp giờ cất, hạ cánh dự kiến của tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ sai lệch so với giờ dự kiến trong kế hoạch bay không lưu quá 10 phút;

đ) Chủ trì việc bảo đảm an toàn phòng, chống cháy, nổ cho tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang, đối tượng được phục vụ chuyển bay chuyên cơ của Việt Nam và nước ngoài, các đoàn khách cấp cao của Việt Nam, các đoàn khách cấp cao nước ngoài tháp tùng chuyển bay chuyên cơ đến Việt Nam và đi từ Việt Nam và hành lý, hàng hóa trong khu vực sân bay; phối hợp việc bảo đảm an ninh chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang;

e) Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các bộ phận phục vụ, chuẩn bị tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ làm nhiệm vụ, bảo đảm lịch cất, hạ cánh của tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ;

g) Phối hợp việc tổ chức các nghi lễ đón, tiễn phù hợp với tính chất của nhiệm vụ chuyên cơ, đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

h) Đối với các chuyển bay chuyên cơ nước ngoài, người khai thác cảng hàng không phối hợp với cơ quan có trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an bảo đảm an ninh, an toàn tăng cường cho tàu bay, đối tượng được phục vụ chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài tại khu vực sân bay Việt Nam, khi có yêu cầu của phía nước ngoài;

i) Phối hợp công tác bảo đảm an ninh cho tàu bay thực hiện chuyển bay chuyên cơ, khách chuyên cơ và hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ trong khu vực cảng hàng không.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

a) Phối hợp hiệp đồng điều hành bay với cơ quan quản lý điều hành bay và quản lý vùng trời của quân đội;

b) Phối hợp thực hiện quy định về việc hạn chế khai thác tại cảng hàng không;

c) Bảo đảm phân cách giữa tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ với các tàu bay khác, hành lang bay, phương thức thông tin liên lạc trong quá trình điều hành chuyến bay chuyên cơ;

d) Bảo đảm chế độ làm việc liên tục của thiết bị điều hành bay trong cả quá trình điều hành chuyến bay chuyên cơ;

đ) Kiểm tra hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay cho chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang;

e) Sẵn sàng xử lý các tình huống bất thường.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang:

a) Tiếp nhận, triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang;

b) Lập phương án phục vụ chuyên cơ, bao gồm: xác định tàu bay thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, tàu bay dự bị thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, đường bay, danh sách các nước đề nghị xin phép bay qua, bay đến, điểm vào, điểm ra các nước, các chi tiết liên quan đến việc khai thác, bảo đảm kỹ thuật, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam;

c) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ đột xuất theo đúng quy định đối với tàu bay, động cơ và tổ bay thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ đối với các chuyến bay chuyên cơ đột xuất thông báo ngoài thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 11 của Nghị định này và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam trong thời gian nhanh nhất;

d) Xin phép bay cho các chuyến bay chuyên cơ Việt Nam bay trong nước do hãng thực hiện phù hợp với quy định hiện hành. Phối hợp với Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao xin phép bay cho các chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam bay tuyến quốc tế;

đ) Lập quy trình phục vụ, vị trí ngồi, lựa chọn khách khi phục vụ khách chuyên cơ chung với khách thường, thông báo cho Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại, Cục Hàng không Việt Nam và tổ chức thực hiện;

e) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác phục vụ chuyến bay chuyên cơ bảo đảm an toàn, an ninh và lịch trình cất hạ cánh cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ Việt Nam trong cả quá trình thực hiện nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng

Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại - Bộ ngoại giao và đơn vị làm công tác tiền trạm đề lên phương án phục vụ tại cảng hàng không nước ngoài;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan phục vụ khách chuyên cơ chu đáo, an toàn, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chủ trì hướng dẫn, duy trì trật tự, bảo đảm an ninh trên tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ khi có tùy tùng và các đối tượng khác bay cùng khách chuyên cơ;

h) Phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh cho hàng hóa, hành lý, tài liệu và tài sản của đoàn khách chuyên cơ;

i) Phối hợp công tác với Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an bảo đảm an ninh cho tàu bay thực hiện chuyến bay chuyên cơ, khách chuyên cơ, hành lý, hàng hóa của đoàn khách chuyên cơ ở nước ngoài;

k) Đối với chuyến bay chuyên khoang, hãng hàng không Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu nguy cơ gây mất an ninh, an toàn cho khách chuyên khoang; không vận chuyển hành khách đặc biệt theo quy định về bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay chuyên khoang.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Thực hiện các trách nhiệm bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang; trực tiếp tổ chức thực hiện, quản lý chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý bảo vệ vùng trời, phối hợp với doanh nghiệp bảo đảm hoạt động bay điều hành bay cho các chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trong lãnh thổ Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang đi, đến các sân bay do Bộ Quốc phòng quản lý.

3. Tổ chức thực hiện việc thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Công an

Thực hiện các trách nhiệm được giao theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán, kinh phí của các cơ quan quản lý nhà nước chi trả các chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an toàn an ninh chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam, chuyển bay chuyên cơ của nước ngoài đến, đi Việt Nam tại địa phương và an toàn, trật tự, nghi lễ đón, tiễn đối tượng được phục vụ trên chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang tại cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

2. Phối hợp thực hiện các yêu cầu của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

Chương XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị định số 96/2021/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về công tác đảm bảo chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang và bãi bỏ Chương XXIII Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 46. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). *u*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Gia Túc